

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành  
Công trình: Sửa chữa cấp bách Đê sông La Tinh đoạn thượng lưu  
đập Cây Ké, huyện Phù Cát, Phù Mỹ

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính Quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 390/TTr-STC ngày 29/6/2021.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành với nội dung như sau:**

- Tên công trình: Sửa chữa cấp bách Đê sông La Tinh đoạn thượng lưu đập Cây Ké, huyện Phù Cát, Phù Mỹ.
- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT.
- Địa điểm xây dựng: Huyện Phù Cát và Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.
- Thời gian khởi công - hoàn thành: 06/5/2020-01/2/2021.

**Điều 2. Kết quả đầu tư**

**1. Nguồn vốn đầu tư:**

Đơn vị tính: đồng

Nguồn	Dự toán được duyệt (lần cuối)	Giá trị phê duyệt quyết toán	Thực hiện	
			Đã thanh toán	Còn được thanh toán
1	2	3	4	5
<b>Tổng số</b>	<b>24.900.000.000</b>	<b>23.482.694.000</b>	<b>23.400.000.000</b>	<b>82.694.000</b>
Trong đó: - Nguồn kinh phí hỗ trợ của TW khắc phục hậu quả do mưa lớn giữa tháng 10 và bão số 5, 6 năm 2019.			23.400.000.000	

## 2. Chi phí đầu tư:

*Đơn vị tính: đồng*

TT	Nội dung	Dự toán được duyệt lần cuối	Giá trị quyết toán
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>24.900.000.000</b>	<b>23.482.694.000</b>
<b>I</b>	<b>Chi phí bồi thường, GPMB</b>	<b>200.000.000</b>	<b>185.776.000</b>
<b>II</b>	<b>Chi phí xây dựng</b>	<b>20.624.617.000</b>	<b>20.624.589.000</b>
<b>III</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b>505.491.000</b>	<b>504.739.000</b>
<b>IV</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư</b>	<b>1.621.024.000</b>	<b>1.576.687.000</b>
	<b>Giai đoạn chuẩn bị đầu tư</b>		
1	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát giai đoạn báo cáo nghiên cứu khả thi	8.808.000	8.808.000
2	Chi phí khảo sát địa hình, địa chất giai đoạn báo cáo nghiên cứu khả thi	321.644.000	321.644.000
3	Chi phí giám sát khảo sát giai đoạn báo cáo nghiên cứu khả thi	11.956.000	11.956.000
4	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi	169.983.000	169.983.000
5	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh, bổ sung	7.994.000	7.994.000
6	Chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	157.820.000	157.820.000
	<b>Giai đoạn lập TK BVTC</b>		
7	Chi phí lập TKBVTC - Dự toán	442.901.000	442.901.000
8	Chi phí lập TKBVTC - Dự toán bổ sung	19.364.000	19.364.000
9	Chi phí giám sát xây dựng	480.554.000	436.217.000
<b>V</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>775.739.000</b>	<b>590.903.000</b>
1	Lệ phí thẩm định báo cáo NCKT	4.284.000	4.284.000
2	Chi phí thẩm định TKBVTC	21.097.000	21.097.000
3	Chi phí thẩm định TKBVTC bổ sung	463.000	463.000
4	Chi phí thẩm định Dự toán	20.382.000	20.382.000
5	Chi phí thẩm định Dự toán bổ sung	447.000	447.000
6	Chi phí thẩm định đánh giá tác động môi trường	7.800.000	7.800.000
7	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	88.200.000	82.694.000
8	Chi phí bảo hiểm công trình	212.434.000	212.433.000
9	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	22.587.000	0
10	Chi phí rà phá bom mìn và vật liệu nổ		

10.1	Chi phí tư vấn khảo sát, lập phương án kỹ thuật TC và dự toán rà phá bom mìn, vật liệu nổ	6.883.000	6.883.000
10.2	Chi phí thi công rà phá bom mìn & vật liệu nổ	241.303.000	234.420.000
10.3	Chi phí thẩm định phương án kỹ thuật TC và dự toán rà phá bom mìn, vật liệu nổ	1.148.000	0
10.4	Chi phí kiểm tra, giám định chất lượng rà phá bom mìn, vật liệu nổ	2.295.000	0
11	Chi phí đo vẽ địa chính	146.416.000	0
<b>VI</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>1.173.129.000</b>	<b>0</b>

### 3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không.

3.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: Không.

3.2. Chi phí không tạo nên tài sản: Không.

### 4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

*Đơn vị tính: đồng*

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
<b>Tổng số</b>			<b>23.482.694.000</b>	<b>23.482.694.000</b>
Tài sản dài hạn (tài sản cố định)			23.482.694.000	23.482.694.000

### Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Được phép tắt toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

*Đơn vị tính: đồng*

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
<b>Tổng số</b>	<b>23.482.694.000</b>	
Trong đó:		
1. Đã bố trí:	23.400.000.000	
- Nguồn kinh phí hỗ trợ của TW khắc phục hậu quả do mưa lớn giữa tháng 10 và bão số 5, 6 năm 2019.	23.400.000.000	
2. Chưa bố trí:	82.694.000	

- Tổng các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết toán (ngày 16/3/2021) là:

+ Tổng số nợ phải trả: 82.694.000 đồng, trong đó:

Chi phí khác (Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán): 82.694.000 đồng

- Tổng số nợ phải thu: không.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

*Đơn vị tính: đồng*

<b>Tên đơn vị tiếp nhận tài sản</b>	<b>Tài sản dài hạn/cố định</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>
UBND xã Cát Tài, huyện Phù Cát	16.021.626.000	
UBND xã Mỹ Tài, huyện Phù Mỹ	7.461.068.000	

**Điều 4.** Chủ đầu tư, đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm quản lý, sử dụng công trình và thực hiện việc bàn giao công trình theo quy định hiện hành. Căn cứ số liệu quyết toán được duyệt, các cơ quan liên quan tiến hành cấp phát, thanh toán, hạch toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo đúng quy định.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND các huyện Phù Cát, Phù Mỹ; Chủ tịch UBND các xã Cát Tài, Mỹ Tài và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 5;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP NN;
- Lưu: VT, K10, K17 (15b).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tuấn Thanh**